

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No. 082 /2024/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, Tại ngày: 06 tháng 06 năm 2024 /As at 06 Jun 2024

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG
CHỈ ETF**

**BASKET OF COMPONENT
SECURITIES AND CASH TO
EXCHANGE FOR AN ETF CREATION
UNIT**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư
To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Securities Depository, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange, Authorized Participant, Investors

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50
- Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/Tel: 024 3936 6321 Fa 024 3936 6337

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the basket of component securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 07/06/2024
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	4,540	5.63%
2	CTG	910	1.51%
3	DCM	150	0.29%
4	DGC	250	1.54%
5	DIG	550	0.78%
6	DPM	200	0.39%
7	EIB	1,780	1.77%
8	FPT	1,220	8.67%
9	FRT	100	0.86%
10	GEX	720	0.87%
11	GMD	310	1.33%
12	HCM	420	0.62%
13	HDB	2,460	2.97%
14	HPG	3,970	5.92%
15	HSG	590	0.71%
16	HUT	400	0.38%

17	IDC	220	0.69%
18	KBC	650	1.05%
19	KDC	160	0.53%
20	KDH	540	1.00%
21	LPB	2,610	3.47%
22	MBB	3,300	3.76%
23	MSB	1,930	1.45%
24	MSN	810	3.22%
25	MWG	1,320	4.16%
26	NLG	300	0.65%
27	NVL	1,320	0.99%
28	PDR	440	0.58%
29	PNJ	300	1.45%
30	POW	530	0.37%
31	PVD	310	0.50%
32	PVS	270	0.60%
33	SHB	3,490	2.11%
34	SHS	830	0.79%
35	SSI	1,200	2.16%
36	STB	2,140	3.35%
37	TCB	2,600	6.36%
38	TPB	1,250	1.16%
39	VCB	690	3.13%
40	VCG	330	0.39%
41	VCI	340	0.84%
42	VHC	120	0.45%
43	VHM	1,480	2.94%
44	VIB	1,290	1.47%
45	VIC	1,300	2.89%
46	VJC	330	1.83%
47	VND	1,240	1.13%
48	VNM	950	3.25%
49	VPB	5,410	4.99%
50	VRE	1,030	1.18%
II Tiền/Cash(VND)		85,007,414	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	1,946,074,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	1,963,367,414
+ Tiền chênh lệch/Cash component: (VND)	17,293,414

- Phương án xử lý đối với tiền chênh lệch/ Plan to reduce the difference:
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng tiền chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng tiền chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	ACB	24,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	PNJ	95,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
3	SSI	35,400	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	VCB	89,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
5	VCI	48,300	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
6	VIB	22,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; We shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UB CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Trần Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC